

Số: /TTr-BYT

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

TỜ TRÌNH

Chính sách của Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi)

Kính gửi: Chính phủ

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Y tế kính trình Chính phủ chính sách của Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

Sau 15 năm thực hiện, Luật An toàn thực phẩm năm 2010(sau đây gọi tắt là ATTP) đã đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước về thực phẩm. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay triển khai cho thấy một số quy định của Luật ATTP đã không còn phù hợp yêu cầu quản lý, tạo ra một số vướng mắc, khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh thực phẩm, ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng. Vì vậy, việc xây dựng chính sách của Luật ATTP (sửa đổi) để phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và giải quyết những vấn đề vướng mắc phát sinh trong thực tiễn là rất cần thiết.

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới, trong đó giao Bộ Y tế “hoàn thiện hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm. Thực hiện việc kiểm soát an toàn thực phẩm dựa trên đánh giá nguy cơ, sản xuất kinh doanh theo chuỗi, truy xuất nguồn gốc”.

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, trong nhiệm vụ cụ thể có nội dung: “Bảo đảm an toàn thực phẩm, an ninh lương thực quốc gia, bảo vệ môi trường sinh thái; khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh, hữu cơ, tuần hoàn. Tổ chức sản xuất kinh doanh nông nghiệp theo chuỗi giá trị, dựa trên nền tảng khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo”.

- Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới với quan điểm chỉ đạo: (1) Tập trung

rà soát, sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế phối hợp giữa các bộ, ngành và địa phương, các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; các nguyên tắc, chế tài xử lý vi phạm an ninh, an toàn thực phẩm, sử dụng chất cấm, lạm dụng kháng sinh, hoá chất không rõ nguồn gốc trong tất cả các khâu, từ nguyên liệu đến sản xuất, chế biến, kinh doanh, bảo quản thực phẩm; xây dựng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, kiểm nghiệm, bảo đảm truy xuất rõ nguồn gốc. Khuyến khích đầu tư kết cấu hạ tầng và phát triển các mô hình sản xuất, chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn; có chính sách hỗ trợ hộ gia đình, hợp tác xã và doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xây dựng chuỗi thực phẩm an toàn. Xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm liên thông với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành. Nâng cao năng lực phòng ngừa, chủ động xử lý ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm; (2) Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm; (3) Xây dựng các chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng; ưu tiên phát triển các vùng chuyên canh, sản xuất nông nghiệp sạch, an toàn. Kiểm soát an toàn thực phẩm ngay từ yếu tố đầu vào trong sản xuất, kinh doanh; liên kết với các chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế, bảo đảm người dân được tiếp cận và sử dụng lương thực, thực phẩm an toàn, bền vững. Đầu tư nâng cấp hạ tầng công nghiệp, dịch vụ, hình thành mạng lưới logistics, bảo quản, chế biến, thương mại điện tử ở nông thôn. Ngân hàng Chính sách xã hội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ưu tiên cung cấp tín dụng cho các hộ sản xuất thực phẩm an toàn, nhất là các hộ nghèo và đối tượng chính sách. Nâng cao năng lực nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ sinh học, công nghệ thân thiện với môi trường trong sản xuất nông nghiệp và chế biến thực phẩm. Khuyến khích, hỗ trợ hộ gia đình, hợp tác xã, doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh thực phẩm ứng dụng công nghệ cao và kết nối chuỗi giá trị cung ứng thực phẩm an toàn. Tăng cường hợp tác quốc tế trong bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm và (4) cần sớm kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm từ trung ương tới địa phương. Phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, trách nhiệm của các ngành trong bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm. Thực hiện phân cấp, phân quyền, đổi mới phương thức quản lý, điều hành, phối hợp, bảo đảm khoa học, chặt chẽ, hiệu quả; khắc phục tình trạng chồng chéo, buông lỏng quản lý công tác bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm.

- Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 13/04/2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp tục tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trong tình hình mới với quan điểm chỉ đạo: “Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm quản lý an toàn thực phẩm; tăng cường công tác hậu kiểm, thanh tra, kiểm tra và xử lý nghiêm, kể cả về hình sự các tổ chức, cá nhân vi phạm nghiêm trọng các quy định về an toàn thực phẩm, gây ảnh hưởng tới sức khỏe người tiêu dùng theo quy định

của pháp luật; xử lý nghiêm tổ chức, cá nhân lơ là, thiếu trách nhiệm trong quản lý an toàn thực phẩm”.

- Kế hoạch số 81/KH-UBTVQH15 ngày 05/11/2021 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc triển khai thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV và Quyết định số 2114/QĐ-TTg ngày 16/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 19-KL/TW của Bộ Chính trị và Đề án Định hướng Chương trình xây dựng pháp luật nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV, trong đó yêu cầu Bộ Y tế: *ngiên cứu, rà soát Luật ATTP.*

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia với quan điểm chỉ đạo: *“Khẩn trương sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện đồng bộ các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đầu tư, đầu tư công, mua sắm công, ngân sách nhà nước, tài sản công, sở hữu trí tuệ, thuế... để tháo gỡ các điểm nghẽn, rào cản, giải phóng các nguồn lực, khuyến khích, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số quốc gia, phát triển nguồn nhân lực; cải cách phương thức quản lý, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với từng loại hình nghiên cứu; cải cách cơ chế quản lý tài chính trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đơn giản hoá tối đa các thủ tục hành chính; giao quyền tự chủ trong sử dụng kinh phí nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ”.*

- Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 08/01/2025 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2025 với quan điểm chỉ đạo: *“Nâng cao chất lượng xây dựng chính sách, pháp luật; trong đó tập trung vào tháo gỡ điểm nghẽn về thể chế. Sửa đổi đồng bộ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm các quy định, thủ tục hành chính đơn giản, giảm gánh nặng tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.”*

- Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân với quan điểm chỉ đạo: *“Tạo mọi thuận lợi trong giải quyết thủ tục hành chính; phân công, phân cấp, phân nhiệm rõ ràng giữa các cấp, ngành của từng cơ quan, đơn vị, xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong giải quyết thủ tục hành chính. Xử lý nghiêm các hành vi tham nhũng, trục lợi cá nhân, những thiếu sót của cán bộ, công chức; đồng thời, có cơ chế miễn trừ trách nhiệm đối với trường hợp đã thực hiện đầy đủ các quy trình, quy định liên quan, không trục lợi trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nhưng có thiệt hại do rủi ro khách quan.”*

- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; Nghị quyết số 282/NQ-CP ngày 15/9/2025 của Chính phủ ban hành Chương trình hành

động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị với quan điểm chỉ đạo: *“Cơ chế, chính sách, chế độ đãi ngộ chưa đủ mạnh để huy động các nguồn lực cho phát triển y tế. Một số vụ việc vi phạm pháp luật, lạm dụng, trục lợi trong lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh, dược và thực phẩm gây bức xúc trong dư luận xã hội”* và *“Nâng cao năng lực hệ thống kiểm nghiệm, kiểm định, kiểm soát các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, chất lượng môi trường sống, học tập, làm việc, chất lượng thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, thiết bị y tế, chất lượng dịch vụ y tế”*.

- Nghị quyết số 119/2026/UBTVQH15 ngày 06/02/2026 về Điều chỉnh chương trình lập pháp của năm 2026, trong đó: *“Bổ sung dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp năm 2026 trình Quốc hội xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa XVI”*.

- Thông báo số 15/TB/BCĐTW ngày 17/3/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp quý I/2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo, trong đó có nội dung: *“Tập trung nguồn lực sửa đổi, bổ sung Luật An toàn thực phẩm, khẩn trương trình Quốc hội khóa XVI thông qua, đáp ứng yêu cầu cấp bách để phát triển, mục tiêu là xây dựng khung pháp lý để quản lý an toàn thực phẩm hiện đại, đồng bộ, hiệu lực và hiệu quả; chuyển mạnh tư duy quản lý an toàn thực phẩm từ “kiểm soát từng khâu riêng lẻ” sang “quản lý toàn bộ chuỗi giá trị thực phẩm”, bảo đảm quản lý chặt chẽ từ sản xuất, chế biến, lưu thông cho đến tiêu dùng thực phẩm; khắc phục tình trạng quản lý phân tán, chồng chéo; nâng cao năng lực phòng ngừa rủi ro và xử lý kịp thời các nguy cơ mất an toàn thực phẩm; vừa bảo vệ sức khỏe Nhân dân vừa thúc đẩy phát triển sản xuất thực phẩm sạch, an toàn, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu trong nước và tham gia sâu hơn vào chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu. Quá trình sửa đổi, bổ sung Luật An toàn thực phẩm và các quy định khác về an toàn thực phẩm có sự tham gia đầy đủ của các cơ quan, tổ chức, hiệp hội, ngành hàng, cộng đồng doanh nghiệp; bảo đảm đầy đủ, sẵn sàng các điều kiện vật chất, kỹ thuật, nhân lực... để tổ chức thực thi pháp luật; Đảng ủy Chính phủ chỉ đạo triển khai chủ trương hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước theo hướng thống nhất chỉ một đầu mối từ trung ương đến địa phương; xây dựng đề án cụ thể trình Bộ Chính trị trong tháng 4/2026.*

2. Cơ sở thực tiễn

- Quy định các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn phải đăng ký bản công bố hợp quy với cơ quan nhà nước có thẩm quyền trước khi lưu thông trên thị trường không phù hợp với phương thức quản lý về an toàn thực phẩm. Tuy nhiên, đối với thực phẩm là nhóm sản phẩm đặc biệt với sự đa dạng về hình thức và thể loại, không chỉ cơ quan quản lý ở Việt Nam mà cả quốc tế như Ủy ban Tiêu chuẩn

thực phẩm quốc tế (CODEX) cũng không thể ban hành đầy đủ các tiêu chuẩn cho tất cả các sản phẩm thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn mà chỉ ban hành được tiêu chuẩn kỹ thuật đối với một số phân nhóm đặc thù trong thực phẩm như sữa, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt v.v... Vì vậy, việc bắt buộc công bố hợp quy đối với tất cả thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn là không khả thi.

- Quy định “Thực phẩm chức năng lần đầu tiên ra thị trường” phải có báo cáo hiệu quả công dụng, tuy nhiên thực tiễn rất khó xác định thế nào là “lần đầu tiên đưa ra thị trường”;

- Các cơ sở sản xuất nhóm thực phẩm nguy cơ cần giám sát chặt chẽ như: thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, thực phẩm bổ sung hiện nay chưa có quy định bắt buộc áp dụng Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đạt yêu cầu Thực hành sản xuất tốt (GMP) hoặc Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP) hoặc Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000 hoặc Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS) hoặc Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC) hoặc Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc chứng nhận tương đương. Tại khoản 4 Điều 4 Luật An toàn thực phẩm chỉ quy định: Thiết lập khuôn khổ pháp lý và tổ chức thực hiện lộ trình bắt buộc áp dụng hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành vệ sinh tốt (GHP), Phân tích mối nguy cơ và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP) và các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm;

- Chưa quy định đầy đủ việc thu hồi các giấy phép trong lĩnh vực an toàn thực phẩm đặc biệt trong trường hợp kẻ cả hồ sơ công bố sản phẩm dựa trên hồ sơ, giấy tờ giả mạo, không trung thực và hàng giả, hàng chứa chất cấm cũng như chưa có quy định kết nối liên thông giữ liệu với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành để quản lý trực tuyến việc đăng ký lưu hành, công bố, công bố tiêu chuẩn áp dụng, xuất khẩu, nhập khẩu và truy xuất nguồn gốc, thanh tra, kiểm tra, giám sát thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm.

- Về thực phẩm giả, Điều 64 Luật An toàn thực phẩm quy định Bộ Công Thương chủ trì việc phòng, chống thực phẩm giả, gian lận thương mại trong lưu thông, kinh doanh thực phẩm mà không quy định việc phối hợp hoặc tham gia trong việc phòng, chống thực phẩm giả của các bộ khác. Việc phân chia quản lý sản phẩm thực phẩm theo từng ngành, mỗi ngành quản lý các mặt hàng khác nhau, cụ thể: Điều 62: Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Y tế, Điều 63: Trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Điều 64: Trách nhiệm của Bộ Công Thương tại Luật An toàn thực phẩm dẫn đến chưa thống nhất trong quản lý, chưa có cơ quan chịu trách nhiệm chính

trong quản lý và khi có sự cố về an toàn thực phẩm, ảnh hưởng đến quyền lợi người tiêu dùng;

- Luật An toàn thực phẩm năm 2010, Nghị định 15/2018/NĐ-CP có các quy định về cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định trong giải quyết tranh chấp và cung cấp phiếu kiểm nghiệm khi công bố sản phẩm tuy nhiên chưa có quy định về điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục chỉ định hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng của cơ sở kiểm nghiệm do nhà nước chỉ định, cơ sở kiểm nghiệm kiểm chứng, cơ sở kiểm nghiệm không do nhà nước chỉ định và phòng kiểm nghiệm của cơ sở sản xuất gây khó khăn trong việc xác định cơ sở kiểm nghiệm được chỉ định cho cơ quan quản lý cũng như các tổ chức, cá nhân tham gia vào quá trình kinh doanh thực phẩm;

- Chưa quy định về quyền, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên công bố sản phẩm: Luật An toàn thực phẩm năm 2010 mới chỉ quy định quyền và nghĩa vụ của tổ chức cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm mà chưa quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đứng tên công bố sản phẩm. Điều này gây ra khó khăn cho cơ quan quản lý trong quá trình kiểm soát, thanh tra, kiểm tra sản phẩm lưu thông trên thị trường vì tổ chức, cá nhân đứng tên công bố sản phẩm là người chịu trách nhiệm với cơ quan quản lý với sản phẩm công bố nhưng lại không có trách nhiệm với sản phẩm khi lưu hành là không hợp lý;

- Chưa quy định quản lý, nhận diện, truy xuất nguồn gốc thực phẩm, nguyên liệu làm thực phẩm, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm, dụng cụ tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm, vật liệu tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm lưu hành trên thị trường dựa trên nhãn bao bì ngoài của thực phẩm như in mã vạch (Barcode), mã QR.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Mục đích

- Giải quyết kịp thời các hạn chế, vướng mắc, bất cập trong các quy định của Luật ATTP.

- Xác định và đề cao trách nhiệm của cơ quan quản lý, doanh nghiệp kinh doanh thực phẩm, nâng cao hiệu quả bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm.

- Tăng cường công tác hậu kiểm để nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực thi quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và nâng cao chất lượng thực phẩm.

- Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, phân cấp, phân quyền trong hoạt động về quản lý thực phẩm, bảo đảm quyền lợi của người tiêu dùng, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

2. Quan điểm xây dựng

- Thể chế hóa đầy đủ quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng vào pháp luật, trong đó chú trọng đến công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân

dân; bám sát chủ trương tại Nghị quyết số 20/NQ-TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tăng cường chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

- Kế thừa các quy định hiện hành, bảo đảm sự đồng bộ với các quy định của pháp luật có liên quan về thực phẩm.

- Rà soát bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính đồng bộ, thống nhất và tính khả thi của hệ thống pháp luật; bảo đảm hoàn thiện hệ thống pháp luật về an toàn thực phẩm; tiếp cận tối đa các thông lệ quốc tế cũng như phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

- Đổi mới mạnh mẽ quy trình, thủ tục hành chính theo hướng cắt giảm tối đa thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền gắn với tăng cường trách nhiệm của các cấp, các ngành, các đơn vị.

III. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Phạm vi điều chỉnh

Chính sách Luật ATTP (sửa đổi) định hướng xây dựng theo hướng thống nhất một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thực phẩm từ trung ương đến địa phương, trong đó tăng cường phân cấp, phân quyền tối đa cho chính quyền địa phương; Quản lý an toàn thực phẩm theo toàn bộ chuỗi giá trị thực phẩm từ yếu tố đầu vào sản xuất, lưu thông đến tận tay người tiêu dùng; Giảm thiểu việc sử dụng nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại; Có cơ chế, chính sách ưu đãi cho các cơ sở đầu tư, nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thực phẩm.

2. Đối tượng áp dụng

Chính sách này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước và tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thực phẩm tại Việt Nam.

IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHÍNH SÁCH

1. Xác định sự cần thiết xây dựng Luật ATTP (sửa đổi): Việc xây dựng Luật ATTP (sửa đổi) được thực hiện trên cơ sở nhận định về những bất cập, vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật hiện hành, sự thay đổi của tình hình sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cũng như nhu cầu tăng cường bảo đảm an toàn thực phẩm, bảo vệ sức khỏe cộng đồng và phù hợp với các cam kết quốc tế của Việt Nam.

2. Bộ Y tế đã tổ chức đánh giá, tổng kết thực tiễn 15 năm thi hành Luật ATTP hiện hành; xây dựng báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế liên quan đến dự thảo Luật an toàn thực phẩm (sửa đổi).

3. Tổ chức đánh giá tác động của chính sách dựa trên 5 chính sách đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết 158/NQ-CP ngày 03/06/2025 phiên họp chuyên đề xây dựng pháp luật tháng 5 năm 2025. Nội dung đánh giá tác động của chính sách bao gồm: (1) đánh giá tác động đối với hệ thống luật pháp; (2) tác động về kinh tế - xã hội; (3) tác động về giới (nếu có) và tác động của thủ tục hành chính (nếu có).

- Ngày 04/08/2025, Bộ Y tế có Công văn số 5168/BYT-ATTP đề xuất Chính phủ cho phép trình Hồ sơ dự án Luật đề Quốc hội cho ý kiến và thông qua vào năm 2026; ngày 18/8/2025 Văn phòng Chính phủ có Công văn số 7687/VPCP-KGVX đồng ý về chủ trương trình Dự án Luật đề Quốc hội cho ý kiến và thông qua vào năm 2026 như đề xuất của Bộ Y tế; ngày 19/11/2025, Bộ Y tế có Tờ trình Chính phủ đề xuất bổ sung Dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp năm 2026 của Quốc hội, kỳ họp tháng 10; ngày 25/11/2025, VPCP có Công văn số 11560/VPCP-KGVX đề nghị Bộ Y tế phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan hoàn chỉnh hồ sơ trình Chính phủ về việc bổ sung Dự án Luật vào Chương trình lập pháp năm 2026, xác định tiến độ trình Quốc hội Dự án Luật này tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI.

- Khi rà soát, dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) không được áp dụng điều khoản chuyển tiếp tại Điều 72 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025. Do vậy, việc trình thủ tục phê duyệt Chính sách của Luật vẫn phải được thực hiện và phải tuân thủ quy trình tại các Điều 28. Xác định chính sách; Điều 29. Đánh giá tác động chính sách; Điều 30. Lấy ý kiến, tham vấn chính sách; Điều 31. Thẩm định chính sách và Điều 32. Thông qua chính sách của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025.

- Ngày 11/12/2025, Bộ Y tế có Tờ trình số 1817/TTr-BYT trình Chính phủ về việc bổ sung dự án Luật An toàn thực phẩm vào Chương trình lập pháp năm 2026; ngày 16/01/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 14/NQ-CP phê duyệt đề nghị bổ sung dự án Luật ATTP (sửa đổi) vào Chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2026; Ngày 17/01/2026, thừa ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ký tờ trình số 18/TTr-CP trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc bổ sung dự án Luật ATTP (sửa đổi) vào vào Chương trình lập pháp của Quốc hội năm 2026 và ngày 06/02/2026, Ủy ban thường vụ Quốc Hội ban hành Nghị quyết số 119/2026/UBTVQH15 Điều chỉnh chương trình lập pháp năm 2026 trong đó phê duyệt trình UBTVQH Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi) tại phiên họp tháng 9/2026.

- Sau khi hoàn thiện dự thảo Hồ sơ chính sách, Bộ Y tế đã tổ chức lấy ý kiến đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của chính sách, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, Bộ, cơ quan ngang Bộ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (Công văn số 9136/BYT-ATTP ngày

26/12/2025, Công văn số 2116/BYT-ATTP ngày 27/03/2026); Tổ chức hội nghị tham vấn chính sách khu vực phía bắc (Giấy mời số 03/GM-BYT ngày 0501/2026); hội nghị tham vấn chính sách khu vực phía nam (Giấy mời số 46/GM-BYT ngày 13.1.2026); xin ý kiến các thành viên Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ Y tế (tờ trình số 01-TTr/ĐU ngày 08/01/2026 và tờ trình số 17-TTr/ĐU ngày 24/04/2026 của Cục An toàn thực phẩm) và đăng tải, lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế và của Cục An toàn thực phẩm (Công văn số 2525/ATTP-PCTTR ngày 26/12/2025). Đăng tải bản ý kiến góp ý, tiếp thu giải trình lên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế và của Cục An toàn thực phẩm (Công văn số 120/ATTP-PCTTR ngày 22/01/2026 và công văn số 583/ATTP-PCTTR ngày 10/04/2026, Công văn số 693/ATTP-PCTTR ngày 22/04/2026).

- Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị và kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông báo số 15-TB/BCĐTW ngày 17/03/2026 của Ban chỉ đạo trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật, Bộ Y tế đã rà soát và hoàn thiện lại 05 chính sách đã được Chính phủ thông qua tại Nghị quyết 158/NQ-CP thành 04 chính sách.

- Bộ Y tế tổng hợp ý kiến tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách đối với dự án Luật An toàn thực phẩm (sửa đổi), Bộ Y tế gửi văn bản cho Bộ Tư pháp chủ trì phối hợp với các Bộ, ngành, các tổ chức, cá nhân liên quan thẩm định.

- Ngày, Bộ Tư pháp có văn bản số phản hồi ý kiến về hồ sơ chính sách, sau khi tiếp thu, giải trình các ý kiến Bộ Y tế trình Chính phủ xem xét, phê duyệt hồ sơ chính sách.

V. MỤC TIÊU, NỘI DUNG CỦA CHÍNH SÁCH

1. Chính sách 1. Hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1.1. Mục tiêu

- Thống nhất một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thực phẩm từ trung ương đến địa phương.

- Phân cấp, phân quyền tối đa nhằm nâng cao vai trò của chính quyền địa phương trong quản lý nhà nước về sản phẩm thực phẩm đảm bảo một đầu mối thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an toàn thực phẩm từ trung ương tới địa phương.

1.2. Nội dung

- Giao Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về thực phẩm của các Bộ, UBND các cấp thống nhất một đầu mối theo đúng Chỉ thị 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư và kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại Thông

báo số 15-TB/BCĐTW ngày 17/03/2026 của Ban chỉ đạo trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật.

b) Tăng cường trách nhiệm của UBND các cấp trong việc tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm tại địa phương.

1.3. Giải pháp

1.3.1. Giải pháp 1. Giữ nguyên như Luật An toàn thực phẩm 2010

1.3.2. Giải pháp 2. Tổ chức một cơ quan quản lý an toàn thực phẩm tại trung ương trực thuộc Bộ Y tế và thành lập Sở an toàn thực phẩm hoặc giao nhiệm vụ cho Chi cục an toàn thực phẩm tại các tỉnh, thành lập đội an toàn thực phẩm tại mỗi xã.

- Giao Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước của một cơ quan quản lý an toàn thực phẩm tại trung ương trực thuộc Bộ Y tế thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

- UBND cấp tỉnh chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn quản lý và thành lập Sở An toàn thực phẩm trên cơ sở sáp nhập trong đó gộp chức năng, nhiệm vụ, nhân sự và cơ sở vật chất (nếu có) liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của các đơn vị trực thuộc của Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương hoặc giao Chi cục an toàn thực phẩm trực thuộc Sở Y tế trong đó bổ sung thêm chức năng, nhiệm vụ, nhân sự và cơ sở vật chất (nếu có) liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của các đơn vị trực thuộc Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Môi trường thành một cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh để thực hiện

- Thành lập đội an toàn thực phẩm là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã là cơ quan thực thi, phụ trách công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm. Đội an toàn thực phẩm phối hợp với các cơ quan hành chính, sự nghiệp khác (Phòng Văn hóa – Xã hội, Phòng Kinh tế, Trạm Y tế xã) để triển khai nhiệm vụ quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

1.3.3 Giải pháp 3. Xây dựng mô hình quản lý an toàn thực phẩm một đầu mối thành một hệ thống quản lý nhà nước độc lập từ trung ương đến địa phương:

Giải pháp 3 chỉ khác giải pháp 2 ở hai điểm chính: ở giải pháp 3 cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm tại địa phương không trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh mà trực thuộc cơ quan quản lý về an toàn thực phẩm tại trung ương và không thành lập đội quản lý an toàn thực phẩm tại xã

1.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Y tế lựa chọn giải pháp 2 là giải pháp tối ưu được lựa chọn, vì giải pháp 2 giải quyết được các nhược điểm của giải pháp 1 và 3, cụ thể:

- Với giải pháp 1: Công tác quản lý an toàn thực phẩm (ATTP) được phân chia cụ thể cho ba bộ ngành: Ngành Y tế quản lý 6/33 nhóm sản phẩm, tập trung xử lý ngộ độc, thí điểm thanh tra chuyên ngành và chỉ đạo chung toàn quốc; Ngành Nông nghiệp và Môi trường phụ trách 19/33 nhóm hàng, ưu tiên cải cách hành chính, kiểm soát hóa chất nông nghiệp và phát triển chuỗi cung ứng qua việc tăng cường thanh tra đột xuất; Ngành Công Thương đảm nhiệm 8/33 nhóm hàng, gắn liền ATTP với công tác chống buôn lậu và gian lận thương mại trên cả môi trường truyền thống lẫn thương mại điện tử. Dù mô hình này giúp duy trì bộ máy ổn định và tiết kiệm chi phí tổ chức, tuy nhiên việc cả ba bộ cùng tham gia lại gây ra sự chồng chéo trách nhiệm và khó xác định đơn vị chịu trách nhiệm chính. Ngay cả khi thực hiện liên thông cơ sở dữ liệu giữa các ngành, quá trình này cũng đòi hỏi rất nhiều thời gian mới có thể hoàn thiện, khiến các vấn đề nóng về ATTP không được giải quyết kịp thời. Hệ quả là công tác quản lý, chỉ đạo vẫn còn manh mún, gây khó khăn trong việc xác định trách nhiệm chính và xử lý dứt điểm các sự cố về an toàn thực phẩm.

- Với giải pháp 2: Đáp ứng được yêu cầu quản lý nhà nước khi thực hiện việc kiểm tra và tăng cường thực thi pháp luật của các bộ/ngành liên quan; đảm bảo tính nhất quán của hệ thống và tính thống nhất của các biện pháp kiểm soát ATTP trong toàn bộ chuỗi thực phẩm trong cả nước; phân tách rõ chức năng đánh giá nguy cơ và quản lý nguy cơ; đảm bảo tốt hơn quyền lợi người tiêu dùng, trong khi đó vẫn tận dụng được nguồn lực sẵn có, không gây xáo trộn lớn trong hệ thống chính trị mà vẫn đảm bảo mục tiêu quản lý một đầu mối theo chỉ thị số 17-CT/TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư. Đối với cơ quan quản lý cấp tỉnh hiện giải pháp đang đưa ra 2 phương án lựa chọn:

+ Phương án 1: Thành lập Sở An toàn thực phẩm trực trên cơ sở đơn vị sẵn có của ngành Y tế tuyến tỉnh được giao đầu mối phụ trách quản lý an toàn thực phẩm, tiếp nhận thêm các chức năng, nhiệm vụ, nhân sự và cơ sở vật chất (nếu có) liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của các đơn vị trực thuộc Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ưu điểm: Việc thành lập Sở An toàn thực phẩm trực thuộc UBND cấp tỉnh là phương án phù hợp với chủ trương quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo hướng một đầu mối tại địa phương. Về vị trí pháp lý, Sở An toàn thực phẩm thuận lợi hơn trong việc kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính cũng như phối hợp với các Sở chuyên ngành liên quan (như Sở Y tế, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Công Thương). Bên cạnh đó, do Sở có nguồn tài chính độc lập nên có thể chủ động trong công tác xây dựng năng lực mạng lưới cơ sở trên toàn địa bàn tỉnh, thành phố. Các tỉnh, thành phố có thể thực hiện đồng nhất theo chiến lược chung của cấp Trung ương (Cục An toàn thực phẩm). Bên cạnh đó, phương án này đã có kết quả triển khai và bài học kinh nghiệm từ mô hình thí điểm của Sở An toàn thực phẩm TP Hồ Chí Minh.

Nhược điểm: Việc thành lập Sở mới làm phát sinh thêm cơ quan hành chính trong bộ máy nhà nước. Bên cạnh đó, phương án này không thể triển khai ngay lập tức mà cần thời gian để chính quyền cấp tỉnh làm đề án thành lập đơn vị hành chính mới.

+ Phương án 2: Giữ nguyên Chi cục An toàn thực phẩm, tiếp nhận thêm các chức năng, nhiệm vụ, nhân sự và cơ sở vật chất (nếu có) liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của các đơn vị trực thuộc Sở Công Thương và Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Ưu điểm: Việc tận dụng Chi cục an toàn thực phẩm sẵn có và tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ, nhân sự và cơ sở vật chất (nếu có) liên quan đến công tác quản lý an toàn thực phẩm của các đơn vị liên quan vừa không làm xáo trộn quá lớn cơ cấu tổ chức bộ máy hiện tại của tỉnh, thành phố lại có thể dễ dàng triển khai ngay dựa trên khung pháp lý sẵn có, không phát sinh thêm các vị trí lãnh đạo cấp Sở.

Nhược điểm: Chi cục là đơn vị trực thuộc Sở Y tế, nên quá trình phối hợp với các Sở chuyên ngành có thể sẽ bị thiếu chủ động và mất nhiều bước trung gian hơn khi phải thông qua Sở Y tế. Ngoài ra, do Chi cục phải phụ thuộc vào sự phân bổ nguồn lực của Sở Y tế, dẫn tới sự không đồng đều về kết quả triển khai giữa các tỉnh, thành phố khi thực hiện các chiến lược chung của cấp Trung ương. Hơn nữa, hiện nay có khoảng 30% số tỉnh, thành phố không còn Chi cục An toàn thực phẩm nên với phương án này, các tỉnh trên vẫn phải làm Đề án thành lập đơn vị hành chính mới.

- Với giải pháp 3: chi phí thiết lập hệ thống là rất lớn. Ước tính việc thiết lập và kiện toàn bộ máy tổ chức theo giải pháp này, nhà nước sẽ phải đầu tư khoảng hơn 20.000 tỷ cho xây dựng cơ sở vật chất, chưa tính đến nguồn lực về con người và vận hành. Tính khả thi trong bối cảnh hiện nay của Việt Nam là chưa phù hợp. Bên cạnh đó, việc thành lập thêm 1 bộ máy tổ chức hành chính trực thuộc Chính phủ sẽ làm tăng đầu mối, trái với chủ trương tinh gọn bộ máy hiện nay của Bộ Chính trị.

2. Chính sách 2. Quản lý an toàn thực phẩm theo chuỗi giá trị

2.1. Mục tiêu

Quản lý an toàn thực phẩm theo toàn bộ chuỗi giá trị thực phẩm từ sản xuất ban đầu, trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ, chế biến, kinh doanh, lưu thông trên thị trường cho đến tận tay người tiêu dùng nhằm đảm bảo các sản phẩm lưu thông trên thị trường an toàn và chất lượng cho người sử dụng, hướng tới phương thức kiểm soát an toàn thực phẩm của các nước phát triển.

2.2.. Nội dung

a) Quản lý an toàn thực phẩm toàn bộ các khâu từ sản xuất ban đầu, trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ cho đến chế biến, kinh doanh, lưu thông, tiêu dùng sản phẩm bao gồm cả cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm cũng như sản phẩm thực phẩm

b) Tăng cường vai trò của cơ quan quản lý nhà nước, cơ sở kiểm nghiệm trong công tác kiểm tra giám sát, chủ động lấy mẫu đối với sản phẩm thực phẩm lưu thông trên thị trường.

2.3. Giải pháp

2.3.1. Giải pháp 1: Giữ nguyên như Luật an toàn thực phẩm 2010

2.3.2. Giải pháp 2. Thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật liên quan đối với khâu sản xuất ban đầu, trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ, Luật ATTP chỉ quy định quản lý cụ thể từ khâu sau thu hoạch, giết mổ đến chế biến, lưu thông, tiêu dùng của sản phẩm thực phẩm.

Ngoài các quy định đã có tại Luật ATTP, giải pháp đưa ra các quy định phù hợp với thực tiễn, cụ thể:

- Vẫn quy định khâu sản xuất, sơ chế ban đầu, trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, hoạt động kiểm soát giết mổ thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan như quy định tại Luật ATTP 2010.

- Quy định quản lý đối với thực phẩm sau thu hoạch giết mổ: Bổ sung quy định về chỉ tiêu mức giới hạn dư lượng thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực phẩm, và các tác nhân gây ô nhiễm trong thực phẩm.

- Quy định quản lý đối với khâu sản xuất: Bổ sung thêm quy định các cơ sở sản xuất đáp ứng nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm (GHP) và quy định đối với số nhóm cơ sở sản xuất thực phẩm phải đáp ứng điều kiện sản xuất tiên tiến trên thế giới như HACCP; ISO 22000; IFS; BRC; FSSC 22000.....và lộ trình thực hiện.

- Quy định quản lý đối với sản phẩm thực phẩm trước khi lưu hành: Chuyển từ hình thức công bố hợp quy đã không còn phù hợp với thực tiễn sang hình thức đăng ký bản công bố hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với một số nhóm sản phẩm cụ thể, các nhóm thực phẩm còn lại sẽ được kiểm tra, giám sát trong quá trình lưu thông trên thị trường

- Quy định quản lý quá trình lưu thông trên thị trường:

- + Bổ sung thêm quy định đối với nhà hàng, bếp ăn tập thể, bếp ăn trường học, cơ sở cung cấp thức ăn đường phố, người trực tiếp kinh doanh cũng như trách nhiệm của chính quyền địa phương trong việc phối hợp liên ngành để quản lý các loại hình trên

+ Bổ sung quy định kiểm tra bằng phương thức hậu kiểm theo kế hoạch hoặc kiểm tra đột xuất; hình thức, thời gian, tần suất kiểm tra và quy định mức xử phạt tối đa về vi phạm hành chính, thu hồi và xử lý sản phẩm thực phẩm không đảm bảo chất lượng và an toàn; thu hồi và tạm dừng tiếp nhận thủ tục hành chính

+ Nâng cao vai trò hệ thống kiểm nghiệm phục vụ quản lý nhà nước, chủ động lấy mẫu giám sát thị trường.

- Quy định về cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm: Thay vì phân tách trách nhiệm quản lý như Luật ATTP, giải pháp đưa về một cơ quan đầu mối thống nhất từ trung ương đến địa phương thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.

2.3. Giải pháp 3. Luật ATTP (sửa đổi) sẽ quy định cụ thể toàn bộ các bước từ khâu sản xuất ban đầu đến chế biến, lưu thông, tiêu dùng của sản phẩm thực phẩm.

Giải pháp 3 chỉ khác giải pháp 2 về nội dung liên quan đến quy định khâu sản xuất ban đầu, cụ thể: Giải pháp 2 không đưa quy định cụ thể vào Luật ATTP (sửa đổi) cho khâu sản xuất ban đầu, trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ mà sẽ dẫn chiếu sang quy định pháp luật liên quan. Còn giải pháp 3 đưa các quy định cụ thể đối khâu sản xuất ban đầu, trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, giết mổ vào Luật ATTP (sửa đổi).

2.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Y tế lựa chọn giải pháp 2 là giải pháp tối ưu được lựa chọn, vì giải pháp 2 giải quyết được các nhược điểm của giải pháp 1 và 3, cụ thể:

- Giải pháp 1: Việc giữ nguyên quy định hiện hành không làm thay đổi hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, gây khó khăn trong việc quản lý an toàn thực phẩm, làm thiếu hụt công cụ hữu hiệu nhằm đảm bảo thực hiện các mục tiêu về an toàn thực phẩm dẫn đến làm tăng chi phí hậu kiểm và chi phí kiểm tra giám sát do các sản phẩm chưa đạt các tiêu chuẩn chất lượng đã được quốc tế thừa nhận. Chi phí này ước tính cho 1 tỉnh/thành phố trên 1 năm khoảng hơn 1 tỷ đồng từ ngân sách địa phương. Việc không áp dụng bắt buộc hệ thống quản lý chất lượng an toàn thực phẩm sẽ mang lại nguy cơ gia tăng vụ ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm, làm tăng gánh nặng cho hệ thống y tế công cộng. Điều này không chỉ làm tăng chi phí điều trị mà còn gây áp lực lên các cơ quan y tế và làm suy giảm sức khỏe cộng đồng. Mặt khác, quy định các Bộ ngành chỉ kiểm tra trong lĩnh vực được phân công phụ trách sẽ dẫn đến việc thiếu đồng bộ, chông chéo gây khó khăn trong công tác quản lý và truy xuất nguồn gốc đối với các sản phẩm thực phẩm, thiếu kiểm soát chặt chẽ dẫn đến nguy cơ cao về ô nhiễm thực phẩm, có

thể gây ra các vụ ngộ độc thực phẩm lớn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe cộng đồng.

- Giải pháp 2 sẽ giải quyết nhược điểm của giải pháp 1 và 3 về mặt nhân lực, trong đó tận dụng được nguồn lực sẵn có, tránh chồng chéo chức năng nhiệm vụ với Bộ Nông nghiệp và Môi trường mà vẫn đáp ứng được yêu cầu quản lý về an toàn thực phẩm từ yếu tố đầu vào như kiểm soát giới hạn tồn dư trong thực phẩm từ nguyên liệu đầu vào như giống, thức ăn chăn nuôi, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, phụ gia thực phẩm, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm... và sơ chế ban đầu: trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, thu hoạch, thu gom giết mổ cho đến khâu cuối cùng là người tiêu dùng

- Liên quan đến biện pháp quản lý chuỗi cung ứng theo nguy cơ, hiện nay Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa 2025 đang phân loại sản phẩm theo mức độ rủi ro để quản lý chất lượng sản phẩm lưu thông. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2025 đối với các sản phẩm nguy cơ rủi ro thấp thì thực hiện công bố tiêu chuẩn áp dụng, đối với nhóm sản phẩm rủi ro cao và trung bình thì tuân theo Luật chất lượng sản phẩm hàng hóa hoặc theo pháp luật chuyên ngành.

+ Tham khảo thực tiễn quốc tế cho thấy, đa số các quốc gia trên thế giới không có quy chuẩn kỹ thuật cho thực phẩm mà chỉ quản lý theo tiêu chuẩn thực phẩm. Các quốc gia không phân loại sản phẩm hàng hóa theo nhóm rủi ro cao, thấp, trung bình mà căn cứ vào đặc tính của nhóm hàng hóa để quản lý theo chuỗi giá trị của sản phẩm (từ nguyên liệu ban đầu, sơ chế ban đầu, trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác, hoạt động kiểm soát giết mổ chế biến, kinh doanh, lưu thông trên thị trường cho đến tận tay người tiêu dùng). Căn cứ vào rủi ro, nguy cơ gây mất an toàn thực phẩm trong từng mắt xích của chuỗi cung ứng theo từng nhóm hàng để xây dựng biện pháp, chương trình giám sát rủi ro, nguy cơ nhằm đảm bảo an toàn thực phẩm. Thực tế không có nhóm hàng nào rủi ro thấp, cao trung bình mà bất kỳ hàng hóa nào cũng đều nguy cơ, rủi ro xảy ra trong chuỗi cung ứng.

+ Thực tiễn và thông lệ quốc tế trên cũng phù hợp với kết luận của Tổng Bí thư Tô Lâm tại thông báo số 15/TB-BCĐTW ngày 17/03/2026: “Chuyển mạnh tư duy quản lý an toàn thực phẩm từ “kiểm soát từng khâu riêng lẻ” sang “quản lý toàn bộ chuỗi giá trị thực phẩm”, bảo đảm quản lý chặt chẽ từ sản xuất, chế biến, lưu thông cho đến tiêu dùng thực phẩm”.

+ Ngoài ra trong lĩnh vực thực phẩm (thuộc phạm vi quản lý của Bộ Y tế) hiện có hơn 138.000 sản phẩm do đó việc đánh giá, phân loại theo mức độ rủi ro theo quy chuẩn kỹ thuật đối với tất cả các sản phẩm, hàng hóa là không khả thi

+ Luật ATTP chỉ quản lý về an toàn thực phẩm do đó sẽ chỉ tập trung vào các nhóm theo phân tích nguy cơ mất an toàn thực phẩm trong chuỗi giá trị sản

phẩm để tập trung quản lý. Luật ATTP sửa đổi cũng chia ra 03 hình thức quản lý: với các nhóm sản phẩm có nguy cơ về an toàn thực phẩm thì phải đăng ký bản công bố sản phẩm hoặc công bố tiêu chuẩn áp dụng, nhóm còn lại sẽ được giám sát hậu kiểm trên thị trường.

+ Đối với các cơ sở sản xuất thực phẩm: tiếp tục giữ nguyên các quy định điều kiện đối với cơ sở sản xuất thực phẩm bảo vệ sức khỏe phải đáp ứng điều kiện thực hành tốt (GMP); bổ sung quy định cơ sở sản xuất thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm dinh dưỡng y học, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung đáp ứng điều kiện sản xuất tiên tiến trên thế giới như HACCP; ISO 22000; IFS; BRC; FSSC 22000.....

Quy định này kế thừa từ chính sách tại khoản 4 Điều 4 Luật ATTP (2010): “Thiết lập khuôn khổ pháp lý và tổ chức thực hiện lộ trình bắt buộc áp dụng hệ thống Thực hành sản xuất tốt (GMP), Thực hành nông nghiệp tốt (GAP), Thực hành vệ sinh tốt (GHP), Phân tích nguy cơ và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP) và các hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến khác trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.” và quy định cụ thể đối với cơ sở sản xuất thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, thực phẩm dinh dưỡng y học, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi, thực phẩm bổ sung vì đối tượng sử dụng nhiều, đặc biệt là nhóm đối tượng dễ bị tổn thương như người già, trẻ nhỏ, phụ nữ mang thai nên cần chú trọng tập trung quản lý từ khâu sản xuất đến tiêu dùng.

Biện pháp quản lý này vẫn thống nhất với biện pháp quản lý tại Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa phân loại theo rủi ro/nguy cơ, tuy nhiên Luật An toàn thực phẩm có những biện pháp quản lý đặc thù tập trung cho các nhóm cơ sở, sản phẩm rủi ro/nguy cơ cần quản lý.

- Giải pháp 3: mặc dù giải pháp này giúp kiểm soát toàn bộ vòng đời của sản phẩm, tuy nhiên nội dung giải pháp vượt quá phạm vi quy định của Luật an toàn thực phẩm, quản lý toàn bộ các khâu đặc biệt nếu thành lập một cơ quan đầu mối để quản lý về an toàn thực phẩm từ trung ương đến địa phương sẽ cần một lượng nhân lực rất lớn để thực hiện, dẫn đến bộ máy quản lý mới sẽ chồng chéo, trái với tinh thần tinh gọn bộ máy của Bộ Chính trị

3. Chính sách 3. Phòng ngừa việc sử dụng các chất đưa vào sản xuất, chế biến thực phẩm thành các chất sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng

3.1. Mục tiêu

Giảm thiểu việc sử dụng nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại nhằm bảo đảm an toàn, sức khỏe cho người sử dụng.

3.2. Nội dung

Xây dựng các quy định chặt chẽ nhằm phòng ngừa việc sử dụng nguyên liệu

thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại từ khi đưa vào sản xuất, chế biến cho đến khi sản phẩm thực phẩm được lưu thông trên thị trường

3.3. Giải pháp

3.3.1. Giải pháp 1. Giữ nguyên như Luật an toàn thực phẩm 2010

3.3.2. Giải pháp 2. Xây dựng và triển khai các biện pháp phòng ngừa từ khâu sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh, tăng cường kiểm tra việc lưu thông trên thị trường đối với nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến sử dụng trong chế biến, sản xuất thực phẩm có khả năng sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại (sau đây gọi tắt là các chất có khả năng sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại)

- Giao chính phủ quy định nguyên tắc và tiêu chí xác định các chất có khả năng sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại. Trên cơ sở đó quy định:

+ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh: phải khai báo khi nhập khẩu, sản xuất, công bố hàm lượng sử dụng và tỷ lệ hư hao đối với các chất này trong tiêu chuẩn sản phẩm thực phẩm; lưu trữ thông tin khách hàng, số lượng xuất nhập tồn.

+ Đối với công tác quản lý nhà nước: quy định tần suất việc kiểm tra, hậu kiểm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh các chất có khả năng sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại; trách nhiệm phối hợp giữa các bộ, ngành, địa phương trong quản lý, kiểm soát; tăng cường chia sẻ thông tin, dữ liệu phục vụ công tác quản lý, giám sát và xử lý vi phạm.

+ Danh mục này sẽ được cập nhật thường xuyên trên cơ sở tình hình kinh tế xã hội trong từng thời kỳ.

3.3.3. Giải pháp 3. Tăng cường kiểm tra đối với các chất có khả năng sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại

Giải pháp 3 chỉ khác giải pháp 2 ở nội dung: giải pháp 3 không yêu cầu cơ sở sản xuất, kinh doanh phải thực hiện khai báo, lưu trữ thông tin như giải pháp 2 mà chỉ tập trung vào công tác quản lý nhà nước kiểm tra giám sát các cơ sở sản xuất, kinh doanh các chất có khả năng sử dụng sai mục đích, dễ bị lạm dụng thành các chất nguy hại

3.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Y tế lựa chọn giải pháp 2 là giải pháp tối ưu được lựa chọn, vì giải pháp 2 giải quyết được các nhược điểm của giải pháp 1 và 3, cụ thể

- Giải pháp 1: không lựa chọn vì chưa có biện pháp quy định như mục tiêu của chính sách

- Giải pháp 2: Đây là giải pháp toàn diện bao gồm cả tiền kiểm (khai báo từ khi nhập khẩu, lưu trữ thông tin khách hàng, công bố tỷ lệ hư hao trong sản xuất) và hậu kiểm (thực hiện việc kiểm tra với tần suất cao hơn) để đảm bảo kiểm soát chặt chẽ nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến sử

dụng trong chế biến, sản xuất thực phẩm, nhanh chóng thực hiện việc truy xuất nguồn gốc khi xảy ra vụ việc vi phạm sử dụng sai mục đích.

- Giải pháp 3: Giải pháp này mặc dù sẽ giảm gánh nặng cho doanh nghiệp trong việc khai báo và quản lý các nguyên liệu thực phẩm, phụ gia thực phẩm và chất hỗ trợ chế biến sử dụng trong chế biến, sản xuất thực phẩm, tuy nhiên lại gây khó khăn cho cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, theo dõi việc sản xuất, nhập khẩu, kinh doanh các chất này.

4. Chính sách 4. Ưu đãi đầu tư phát triển chuỗi cung ứng thực phẩm

4.1. Mục tiêu

Có cơ chế, chính sách ưu đãi nhằm khuyến khích các cơ sở tăng cường đầu tư nguồn lực, công nghệ, nghiên cứu sản xuất thực phẩm nhằm phát triển ngành công nghệ thực phẩm Việt Nam từng bước tham gia vào chuỗi cung ứng thực phẩm toàn cầu; thúc đẩy nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo, nâng cao chất lượng thực phẩm biến Việt Nam thành trung tâm khu vực về sản xuất và cung ứng thực phẩm an toàn, chất lượng cho thị trường trong và ngoài nước.

4.2. Nội dung

Xây dựng các chính sách ưu đãi cho các cơ sở đầu tư, nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thực phẩm.

4.3. Giải pháp

4.3.1. Giải pháp 1. Giữ nguyên các chính sách tại Luật An toàn thực phẩm 2010

4.3.2. Giải pháp 2: Ưu tiên đầu tư về cơ sở vật chất, thực hiện các ưu đãi về tín dụng, thuế xuất, ưu đãi thủ tục hành chính, áp dụng phương thức kiểm tra giảm cho các cơ sở đầu tư, nghiên cứu, áp dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất thực phẩm theo quy định của pháp luật về đầu tư.

* Trên cơ sở các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định tại Luật Đầu tư hiện hành, chính sách quy định (1) giao Chính phủ quy định cụ thể chính sách ưu đãi hỗ trợ lãi suất vay vốn trong vòng 05 năm (kể từ khi được phê duyệt dự án đầu tư) cho các tổ chức, cá nhân đầu tư lĩnh vực liên quan đến an toàn thực phẩm nhằm hướng tới sản xuất thực phẩm an toàn và có giá trị cao; (2) Ưu tiên về thủ tục hành chính (trình tự, thủ tục, thời gian) cho một số nhóm đối tượng; (3) Áp dụng phương thức kiểm tra giảm đối với các nông sản được sản xuất từ cơ sở sản xuất ban đầu áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm tiên tiến trong quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.

4.3.3. Giải pháp 3. Xây dựng chính sách ưu đãi chung định hướng phát triển ngành công nghiệp thực phẩm

- Ngoài các chính sách trong Luật ATTP 2010, bổ sung thêm các chính sách ưu đãi cụ thể: (1) Ưu tiên về thủ tục hành chính (trình tự, thủ tục, thời gian) cho một số nhóm đối tượng; (2) Ưu tiên hỗ trợ phát triển các vùng chuyên canh, theo quy trình sản xuất nông nghiệp tốt (GAP); (3) Thu hút đầu tư của các cơ sở sản

xuất thực phẩm ứng dụng đổi mới công nghệ thực phẩm, áp dụng công nghệ mới;
(4) Xây dựng thương hiệu quốc gia cho thực phẩm Việt Nam.

4.4. Giải pháp tối ưu được lựa chọn và lý do lựa chọn

Bộ Y tế lựa chọn giải pháp 2 là giải pháp tối ưu được lựa chọn, vì giải pháp 2 giải quyết được các nhược điểm của giải pháp 1 và 3, cụ thể

- Giải pháp 1: chỉ mang tính chất định hướng chưa có các cơ chế ưu đãi cụ thể nên chưa thực sự khuyến khích được các doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu phát triển trong sản xuất thực phẩm sạch, an toàn chất lượng

- Giải pháp 2: Đưa ra các chính sách cơ chế ưu đãi cụ thể cho các cơ sở khi thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển đặc biệt áp dụng công nghệ cao trong sản xuất thực phẩm, đặc biệt là thực phẩm có giá trị cao.

- Giải pháp 3: Kết hợp cả chính sách cơ chế ưu đãi và định hướng phát triển tuy nhiên theo định hướng phát triển cần nhân lực quản lý lớn, chi phí cao chưa phù hợp với giai đoạn phát triển hiện nay của đất nước.

VI. NHỮNG NỘI DUNG BỔ SUNG MỚI SO VỚI HỒ SƠ CHÍNH SÁCH GỬI THẨM ĐỊNH (NẾU CÓ)

Không có

VII. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH

1. Về nguồn nhân lực

Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TW ngày 21/10/2022 của Ban Bí thư về tăng cường bảo đảm an ninh, an toàn thực phẩm trong tình hình mới và Thông báo số 15/TB/BCĐTW ngày 17/3/2026 của Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật về kết luận của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về hoàn thiện thể chế, pháp luật tại Phiên họp quý I/2026 của Thường trực Ban Chỉ đạo, việc xây dựng một đầu mối thống nhất quản lý an toàn thực phẩm sẽ được thực hiện từ trung ương đến địa phương. Nhân lực để thực hiện nhiệm vụ về quản lý an toàn thực phẩm từ trung ương và các địa phương được huy động từ các cơ quan hiện đang thực thi nhiệm vụ sẽ được tập trung lại ở các đầu mối từ trung ương đến địa phương.

2. Về nguồn lực tài chính

Đề triển khai thực thi Luật, cần bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện một số hoạt động, cụ thể:

- Kinh phí xây dựng văn bản hướng dẫn, thi hành Luật;

- Kinh phí phổ biến, tuyên truyền Luật; nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng của các cán bộ, công chức, viên chức thực thi chính sách được quy định

trong Luật.

- Kinh phí tổ chức kiểm tra, quản lý, giám sát, đánh giá tình hình thi hành Luật.

- Các kinh phí để thực hiện các trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ do Luật quy định.

VIII. THỜI GIAN DỰ KIẾN TRÌNH QUỐC HỘI DỰ ÁN LUẬT ATTP (SỬA ĐỔI)

Thời gian dự kiến trình Quốc hội xem xét và thông qua tại Kỳ họp thứ hai Quốc hội Khóa XVI.

Trên đây là Tờ trình chính sách Luật ATTP (sửa đổi), Bộ Y tế kính trình Chính phủ xem xét, quyết định.

(Xin gửi kèm theo: (1) Báo cáo đánh giá tác động chính sách; (2) Báo cáo rà soát các chủ trương, đường lối của Đảng, văn bản quy phạm pháp luật, điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách; (3) Báo cáo tổng kết thi hành Luật ATTP 2010; (4) Báo cáo thuyết minh quy phạm hóa chính sách; (5) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý, tham vấn chính sách và các đơn vị liên quan đối với dự án luật ATTP (sửa đổi)).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Các đ/c Thứ trưởng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, ATTP.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Xuân Tuyên